TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:40/2022/DS-ST
Ngày: 15-9-2022
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOØA AÙN NHAÂN DAÂN HUYEÄN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1/- Bà Phạm Thị Kim Thảo

2/- Bà Mai Thị Thu Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thương là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu thành tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Anh- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2022/TLST–DS ngày 24 tháng 5 năm 2022 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 178/2022/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm:1953. (Có mặt)

Nơi cư trú: Tổ 12, ấp V, xã Vĩnh H, huyện C, tỉnh An Giang.

-Bị đơn: Ông Lữ Ngọc T, sinh năm: 1968 (vắng mặt).

Bà Huỳnh Thị L, sinh năm: 1957 (vắng mặt).

Cùng cư trú: Tổ 8, ấp V, xã Vĩnh H, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và tờ tự khai cùng ngày 28-3-2022 và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Vào ngày 8/12/2020 bà Huỳnh Thị L có hỏi mượn của bà số tiền 10.000.000 đồng lãi suất 5% tháng, đến ngày 30/3/2021 bà L mượn thêm 10.000.000 đồng lãi suất 5% để sang kiốt buôn bán ở chợ Kênh Đào (có biên nhận kèm theo), suốt quá trình vay nợ bà L có đóng lãi cho bà nhưng

không đầy đủ, bà không nhớ cụ thể đã đóng bao nhiêu, đến ngày 04/4/2021 ông Lữ Ngọc T chồng của bà L mượn thêm bà 5.000.000 đồng để đi khám bệnh, số tiền này bà cho mượn không tính lãi và vợ chồng đi luôn cho đến nay. Số tiền 5.000.000 đồng này không có làm biên nhận nhưng lúc ông T nhận tiền có bà 6 Màng chợ Kênh Đào và cô Gái con bà 8 Thơm cũng đều nhìn thấy ông T nhận tiền. Bà nhiều lần liên lạc cho hai vợ chồng yêu cầu trả số tiền đã mượn, nhưng không liên lạc được.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông T, bà L có nghĩa vụ liên đới trả lại cho bà số tiền 25.000.000đ và không yêu cầu tính lãi.

Đối với bị đơn ông Lữ Ngọc T và bà Huỳnh Thị L: Sau khi thụ lý vụ kiện Tòa án có tống đạt, niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng phía bị đơn ông Lữ Ngọc T và bà Huỳnh Thị L đều vắng mặt không có lý do, cũng không cung cấp lời khai.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Châu Thành tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến*:**

Tại giai đoạn sơ thẩm những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự và tuân thủ đúng quy định pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc các bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền 25.000.000 đồng và phía bị đơn phải chịu án phí dân sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Lữ Ngọc T và bà Huỳnh Thị L là bị đơn trong vụ kiện đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Lữ Ngọc T và bà Huỳnh Thị L.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị T khởi kiện ông Lữ Ngọc T và bà Huỳnh Thị L cùng có nghĩa vụ trả cho bà số tiền 25.000.000đồng. Tuy phía ông Tvà bà Lđều vắng mặt tại phiên tòa, song căn cứ vào chứng cứ nguyên đơn cung cấp như biên nhận tiền đề ngày 08/12/2020 và biên nhận tiền đề ngày 30/3/2021 do bà Lký tên nhận tiền thể hiện bà Lcó nhận của bà T2 lần theo 2 biên nhận là 20.000.000đồng, đối với số tiền ông Tnhận 5.000.000 đồng tuy không có biên nhận nhưng bà T trình bày lúc ông T nhận tiền có bà 6 Màng chợ Kênh Đào và cô Gái con bà 8 Thơm cũng đều nhìn thấy ông T nhận tiền và bà có cung cấp 2 giấy biên nhận của 2 nhân chứng Nguyễn Thị M và Nguyễn Thị G, 2 tờ biên nhận có nội dung: " …Vào khoản 18 giờ ngày 30/3/2021 tôi có nhìn và nghe thấy bà

Nguyễn Thị T đưa số tiền 5.000.000 đồng cho ông Lữ Ngọc T nói là để trị bệnh, tiền đưa tại chợ Kênh Đào ấp Vĩnh Phúc, Xã Vĩnh Hanh, Châu Thành, An Giang". Qua xác minh nhân chứng Nguyễn Thị Màng tại biên bản xác minh ngày 12/8/2022 bà Màng thừa nhận nội dung xác nhận trên là do bà ký xác nhận cho bà Tvì bà nhìn thấy bà Tđưa tiền cho ông Ttại chợ Kênh Đào. Như vậy từ những chứng cứ trên cho thấy mối quan hệ hợp đồng vay nợ giữa bà Nguyễn Thị Luyến, ông Lữ Ngọc T và bà Nguyễn Thị T thực tế có xãy ra và bà Nguyễn Thị Luyến, ông Lữ Ngọc T còn nợ bà Nguyễn Thị T số tiền 25.000.000 đồng chưa thanh toán. Xét thấy trong mối quan hệ vay nợ này phía bị đơn là người có lỗi, vì không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình kéo dài thời gian thanh toán nợ.Việc vi phạm này làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của phía nguyên đơn. Do đó, nghĩ nên xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp.

Về nghĩa vụ trả nợ: bà Nguyễn Thị T yêu cầu ông Lữ Ngọc T và bà Huỳnh Thị L cùng có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 25.000.000đồng. Xét thấy tuy tờ biên nhận tiền ngày 8/12/2020 và ngày 30/3/2021 chỉ có bà Llà người ký tên nhận tiền và số tiền vay 5.000.000 đồng chỉ có ông Tlà người nhận tiền vay, nhưng bà Lvay tiền của bà Tlà để sang kiot mua bán lo cho gia đình, ông Tvay tiền để trị bệnh nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình.Do đó nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Lữ Ngọc T và bà Huỳnh Thị L có nghĩa vụ liên đới trả 25.000.000 đồng và trả 1 lần cho bà Nguyễn Thị T là hoàn toàn phù hợp.

Về lãi suất: Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả lãi nên hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Lữ Ngọc T và bà Huỳnh Thị L phải chịu 5% án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho bà Nguyễn Thị T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; các điều 27, 30 và 37 luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Các Điều 26, 35, 39, 91, 93, 94, 147, 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1.Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T .

2.Buộc ông Lữ Ngọc T và bà Huỳnh Thị L có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền là 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng)

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải

chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

4. Về án phí: Ông Lữ Ngọc T và bà Huỳnh Thị L phải chịu 1.250.000đ(một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15/9/2022). Ông Lữ Ngọc T và bà Huỳnh Thị L có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Những người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV-THA. TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- CC.THADS huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phan Thị Kim Hoa